

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HS-ST
Ngày: 04/03/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh – CB hưu Tr.

Ông Nguyễn Anh Tuấn – Giáo viên

trường THCS Tân Phong, thành phố B.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B, tỉnh Đ*** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2020/HSST ngày 06/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HS ngày 11/02/2020 đối với bị cáo:

Lâm Minh Tr; Sinh ngày 03/11/2000, tại tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Hộ khẩu thường trú: A3/271B, khu phố 3, phường Tân Vạn, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Họ tên cha: Lâm Văn Quyền, sinh năm 1960; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1961; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 16-4-2019, bị Ủy ban nhân dân phường Tân Vạn, thành phố B, tỉnh Đ xử phạt số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) về hành vi “Gây rối trật tự ở khu dân cư”.

Bị giam giữ từ ngày 19/08/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B.

- **Bị hại:** Cháu Nguyễn Phúc Trường H, sinh năm 2007.

- **Đại diện theo pháp luật của cháu H:** Anh Nguyễn Phúc Tr, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: A4/282A, Khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố B, tỉnh Đ.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1961.

Địa chỉ: A3/271B, Khu phố 3, phường Tân Vạn, thành phố B, tỉnh Đ.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Lê Hồng Th, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 15B, Khu phố Bình Hóa, phường Hóa An, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: A4/68A, Khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố B, tỉnh Đ.

(Tại phiên tòa bị cáo, bà Nguyễn Thị Nhung có mặt; cháu H và anh Trường; người làm chứng anh Thái và anh Liêm vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 16/8/2019, Lâm Minh Tr điều khiển xe mô tô biển số 60M6 – 1514 đi trên đường hẻm gần tiệm uốn tóc “Bích Vân”, thuộc khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố B thì phát hiện thấy cháu Nguyễn Phúc Trường H, sinh ngày 09/02/2007, hộ khẩu thường trú A4/282A, khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố B đang điều khiển xe đạp đi cùng chiều phía trước, trên tay trái cháu H có cầm 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, 16Gb, màu bạc nên Tr nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Thực hiện ý định trên, Tr điều khiển xe mô tô áp sát phía bên trái của cháu H rồi dùng tay phải giật chiếc điện thoại nhưng do cháu H cầm chắc nên Tr không giật được, Tr tiếp tục điều khiển xe mô tô đuổi theo và ép xe đạp của cháu H vào lề đường để cháu H dừng xe lại, rồi Tr tiếp tục dùng tay trái giật chiếc điện thoại của cháu H. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại, Tr phát hiện điện thoại có mặt khóa nên giả vờ nói cháu H mở mặt khóa để gọi điện thoại cho ba của cháu H, cháu H nói mặt khóa cho Tr, khi Tr đã mở được máy và để cháu H không truy hô thì Tr tiếp tục giả vờ gọi điện thoại và nói ba cháu H về nhà rồi và kêu cháu H chạy theo Tr, sau đó Tr cầm điện thoại của cháu H tăng ga bỏ chạy, cháu H truy hô và đuổi theo nhưng không kịp nên đã về báo gia đình đến Công an phường Tân Vạn trình báo. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của cháu H, Tr mang đến tiệm sửa chữa điện thoại “Thanh Bình Dương Thái”, địa chỉ tổ 15B, khu phố Bình Hóa, phường Hóa An, thành phố B do anh Lê Hồng Thái, sinh năm 1983 làm chủ và để chiếc điện thoại ở đây cho anh Thái thay màn hình rồi Tr điều khiển xe về nhà. Qua xác minh, Công an phường Tân Vạn xác định Lâm Minh Tr là đối tượng đã thực hiện hành vi cướp giật điện thoại của cháu H nên lập hồ sơ chHn cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu bạc thuộc sở hữu của anh Nguyễn Phúc Trường do cháu Nguyễn Phúc Trường H đang sử dụng, hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi, trả lại cho cháu H và anh Trường.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Dayang, màu xanh, biển số 60M6-1514 Tr khai mượn xe mô tô trên của mẹ ruột là Nguyễn Thị Nhung để đi làm. Quá trình điều tra xét thấy bà Nhung không biết bị can Tr sử dụng chiếc xe mô tô trên làm

phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà Nhung.

- 01 (Một) USB lưu giữ hình ảnh Lâm Minh Tr cướp giật tài sản của em Nguyễn Phúc Trường H, được lưu tại hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 361/TCKH-HĐĐG ngày 22/8/2019, của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: “01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 5, loại 16GB có giá trị tài sản định giá là 1.398.000 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng)”.

Về trách nhiệm dân sự: Cháu Nguyễn Phúc Trường H đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 609/CT/VKSBH ngày 28/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Lâm Minh Tr về tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại điểm d, g Điều 171 khoản 2 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm d, g Điều 171 khoản 2; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Đề nghị mức hình phạt đối với Lâm Minh Tr như sau: mức án tù: 04 năm tù giam đến 05 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo tự bào chữa tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thống nhất với nội dung truy tố của bản cáo trạng, ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là hành vi trái với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh tại phiên tòa trình bày: Bà là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô mang biển số 60M6-1514 mà bị cáo Tr đã sử dụng làm phương tiện thực hiện tội phạm. Việc làm này của bị cáo bà Nhung không biết, hiện nay bà đã được nhận lại chiếc xe mô tô nói trên, do đó bà không có thắc mắc, khiếu nại gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; lời khai của bị hại, đại diện hợp pháp bị hại; những người làm chứng có tại hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Xét về tội danh đối với bị cáo Tr:

[2.1]. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo Lâm Minh Tr đã khai nhận: Khoảng 10 giờ 45 phút, ngày 16/8/2019, tại đường hẻm thuộc khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố B, Lâm Minh Tr đã có hành vi sử dụng xe mô tô biển số 60M6-1514 của bà Nguyễn Thị Nhung là mẹ của bị cáo để cướp giật 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 5, loại 16GB có giá trị tài sản theo kết luận định giá là 1.398.000 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) của anh Nguyễn Phúc Trường do cháu Nguyễn Phúc Trường H (sinh ngày 09/02/2007) đang sử dụng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Cháu H và gia đình đã làm đơn trình báo hành vi của Tr, nên Tr bị bắt giữ, xử lý theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy tại các lời khai của bị cáo Lâm Minh Tr đều xác định từ ban đầu bị cáo đã có ý thức chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại Iphone của người bị hại Nguyễn Phúc Trường H. Để thực hiện ý định, bị cáo đã dùng xe mô tô đi theo người bị hại từ phía sau theo hướng cùng chiều, sau đó vượt lên dùng tay giật chiếc điện thoại của người bị hại đang cầm khi người bị hại đang điều khiển xe đạp chạy phía trước. Tuy nhiên, do người bị hại cầm chắc tài sản nên bị cáo không thực hiện được trót lọt hành vi. Như vậy, xét về mặt cấu thành tội phạm của tội “Cướp giật tài sản” thì hành vi của bị cáo Tr đã đủ dấu hiệu để truy tố bị cáo Tr về tội “Cướp giật tài sản” từ giai đoạn bị cáo giật bất thành chiếc điện thoại của cháu H.

[2.3]. Từ việc làm này của bị cáo Tr đã làm bị hại H hoảng sợ, cụ thể cháu H khai rằng cháu H đã phải quay đầu xe đạp lại và bỏ chạy khoảng 5m nhưng bị Tr dí theo, ép sát vào lề đường, buộc H đưa điện thoại, cung cấp mật khẩu để Tr gọi về nhà cho người nhà, nhưng thực chất không gọi mà Tr cầm điện thoại tẩu thoát khỏi hiện trường vụ án. H đuổi theo hô hoán nhưng không kịp. Ngoài ra, theo bị hại khai thì giữa bị hại và Tr không có sự quen biết nhau. Bị hại lại là trẻ em, bị cáo là người lớn tuổi hơn. Trước đó, do đã bị hoảng sợ bởi hành vi cướp giật tài sản của bị cáo Tr. Như vậy, hành vi của bị cáo đã thực hiện ở giai đoạn này có dấu hiệu của một tội phạm khác là “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[2.4]. Ngày 30/12/2019, Tòa án nhân dân Thành phố B ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 37/QĐ-HS với nội dung là yêu cầu xác định lại tội danh đối với bị cáo Lâm Minh Tr.

[2.5]. Ngày 04/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có Công văn số 230/CV-VKSBBH giữ nguyên quan điểm truy tố như ban đầu với nội dung cho rằng toàn bộ quá trình diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo Tr thực hiện là liên tục, xâm hại chỉ một khách thể duy nhất là tài sản của cháu H, hành vi và thủ đoạn của bị cáo Tr là thực hiện tội phạm đến cùng để chiếm đoạt cho bằng được tài sản của cháu H rồi nhanh chóng tẩu thoát. Do đó, không thể tách rời các hành vi thành các giai đoạn khác nhau để xử lý bị cáo về hai tội “Cướp giật tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

[2.6]. Do đó, theo giới hạn của việc xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án B đưa vụ án hình sự đối với bị cáo Lâm Minh Tr ra xét xử về tội “Cướp giật tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, trên cơ sở “*những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử*” theo nội dung của Bản cáo trạng số 609/CT-VKSBH ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HS ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B; đồng thời kiến nghị trong bản án để cơ quan có thẩm quyền cấp trên xem xét nhằm tránh việc bỏ lọt tội danh đối với bị cáo Lâm Minh Tr.

[3]. Từ những phân tích trên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Minh Tr là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương; gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo sử dụng xe mô tô phân khối lớn để tiếp cận từ phía sau, giật tài sản của người bị hại trong khi bị hại cũng đang tham gia giao thông, hành vi này có khả năng gây nguy hiểm cho cháu H nếu bị té ngã, vì vậy đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt tăng nặng được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Hơn nữa, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, cháu H chỉ mới 12 tuổi 06 tháng 07 ngày nên hành vi của bị cáo còn phạm vào một tình tiết định khung tăng nặng khác là “*phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo Tr đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi cá nhân, coi thường pháp luật, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác thành tài sản của mình để sử dụng. Giật không được lần thứ nhất, bị cáo tiếp tục thực hiện lần thứ hai cho đến khi lấy được tài sản mới thôi, hành vi này của bị cáo là hành vi “*cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*”, được quy định là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, trước đó bị cáo còn có 01 tiền sự về hành vi “Gây rối trật tự ở khu dân cư” vào ngày 16-4-2019, bị Ủy ban nhân dân phường Tân Vạn, thành phố B, tỉnh Đ xử phạt số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), chưa được xóa. Do đó, xét về nhân thân, bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu. Nhưng, bị cáo vẫn không biết ăn năn hối cải mà lại tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác, thiết nghĩ cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm khắc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoản thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi giao trả cho bị hại nên chưa gây thiệt hại về tài sản; được bị hại và đại diện hợp pháp bị hại làm đơn bãi nại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại các điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ

luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Phúc Trường H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra xem xét giải quyết thêm.

[6]. Về vật chứng của vụ án bao gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu bạc thuộc sở hữu của anh Nguyễn Phúc Trường do cháu Nguyễn Phúc Trường H đang sử dụng, hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi, trả lại cho cháu H và anh Trường.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Dayang, màu xanh, biển số 60M6-1514 Tr khai mượn xe mô tô trên của mẹ ruột là Nguyễn Thị Nhung để đi làm. Quá trình điều tra xét thấy bà Nhung không biết Tr sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà Nhung.

- 01 (Một) USB lưu giữ hình ảnh Lâm Minh Tr cướp giật tài sản của em Nguyễn Phúc Trường H, được lưu tại hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Lâm Minh Tr** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Lâm Minh Tr 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2019.

Ghi nhận việc bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH; NLQ (10);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đồng Thị Hồng